

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2026

V/v Tranh chấp về yêu cầu không công
nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Lài

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Càn;
- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp về yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn H, sinh năm 1976; số CCCD: 084076010850.

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt);

- Bị đơn: bà Võ Thị D, sinh năm 1979; số CCCD: 089179011599.

Địa chỉ thường trú: ấp M, phường L, tỉnh An Giang (trước đây là phường M, thành phố L, tỉnh An Giang); tạm trú: tổ 3, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là tổ 3, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương). (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông Lê Văn H và bà Võ Thị D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 tại nhà của cha mẹ bà D tại tỉnh An Giang. Tuy nhiên, do tại thời điểm sống chung với nhau do hạn chế về hiểu biết pháp luật nên ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo đúng quy định của pháp luật. Giữa ông H, bà D không có quan hệ vợ chồng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2006 thì thường xuyên mâu thuẫn, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không được.

Nay bà xác định không còn tình cảm gì với bà Lê Thị D nữa, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà D.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 13/9/2005, cả hai con chung của ông bà đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thị Thuỳ D trình bày:

Bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tin tưởng nhau. Khoảng đầu năm 2007, vợ chồng không sống cùng nhau, bà D đi Bình Dương sinh sống và lập nghiệp cho đến nay. Hiện nay bà xác định đã không còn tình cảm với ông Lê Văn H nữa. Ông bà đã ly thân từ năm 2007 đến nay, đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay ông Lê Văn H làm đơn yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng, bà D đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 13/9/2005, cả hai con chung của ông bà đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Lê Văn H và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Bà Võ Thị D là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp M, phường L, tỉnh An Giang (trước đây là phường M, thành phố L, tỉnh An Giang); tạm trú: tổ 3, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là tổ 3, khu phố B, phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Võ Thị D về chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn H và bà Võ Thị D đều thừa nhận đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và không thực hiện việc đăng ký kết hôn, phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang: “Qua tra cứu dữ liệu điện tử hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường L quản lý, không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thuỳ D theo thông tin cung cấp như trên tại địa phương; Ủy ban nhân dân phường L không có thông tin về thời gian chung sống với nhau của ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thuỳ D”; Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long cung cấp: “Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long nhận văn bản và tiến hành kiểm tra hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của xã không tìm thấy thông tin kết hôn Lê Văn H và bà Võ Thị Thuỳ D”.

Xét thấy, ông H và bà D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông H, bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, việc ông H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà D là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông H, bà D có 2 con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Lê Văn H, sinh ngày 13/9/2005; các con đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 15, 16, 51, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn H và bà Võ Thị D.

2. Về con chung: Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Thuý D có 2 con chung là Lê Văn Tâm, sinh ngày 29/10/2000 và cháu Lê Văn Huy, sinh ngày 13/9/2005; các con đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Lê Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019316 của Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
 - THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
 - Các đương sự (2);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Lại

